

Bản án số: 79/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2017

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đỗ Tứ Hải**

2. Ông **Nguyễn Văn Móm Em**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện V, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017, về “*không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn C** – sinh năm 1971; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Đoàn Thị M** - sinh năm 1973; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2017 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh **Đặng Văn C** trình bày:**

**- Về quan hệ hôn nhân:**

Anh và chị **Đoàn Thị M** do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng anh về sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh được 01 năm tại ấp A, xã B thì vợ chồng cất nhà sống riêng tại ấp A, xã B. Vợ chồng sống hạnh phúc được 11 năm cho đến năm 2006 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau trong sinh hoạt hằng ngày, đời sống chung không thể kéo dài và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2006 cho đến nay.

Anh C xác định hiện nay anh không còn tình cảm với chị M, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống hạnh phúc được nữa, việc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Đoàn Thị M.

- **Về con chung của vợ chồng:** Có 01 (một) người con chung tên Đặng Hoàng A – sinh ngày 17/12/1993. Hiện nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** Anh Đặng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:** Anh Đặng Văn Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\* Tại bản khai ý kiến và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Đặng Thị M trình bày:***

- **Về hôn nhân:** chị và anh C hôn nhân hình thành do quen biết, trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình chấp nhận, có tổ chức lễ cưới vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng anh sống tại Sài Gòn được 01 năm thì về sống với gia đình cha mẹ ruột tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Sau ngày cưới vợ chồng tôi sống bên gia đình cha mẹ chồng được 01 năm tại ấp A, xã B, huyện V thì vợ chồng ra cát nhà sống riêng tại ấp A, xã B. Vợ chồng sống hạnh phúc được 11 năm cho đến năm 2006 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau trong sinh hoạt hằng ngày, đời sống và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2006 cho đến nay như lời trình bày của anh C là đúng.

Đối với yêu cầu của anh Đặng Văn C thì chị đồng ý.

- **Về con chung của vợ chồng:** Có 01 (một) người con chung tên Đặng Hoàng A – sinh ngày 17/12/1993. Hiện nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** Chị Đoàn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:** Chị Đoàn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:**

+ Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 26/5/2017; giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú bị đơn; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Trích lục khai sinh con chung (bản sao).

+ Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; giấy chứng minh nhân dân (photo); đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Đương sự khẳng định đã nhận đầy đủ các tài liệu chứng cứ, không còn cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, vẫn giữ nguyên quan điểm của mình không còn yêu cầu nào khác.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Đặng Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết không công nhận giữa anh C với chị M là vợ chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, bị đơn chị Đoàn Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Đặng Văn C và chị Đoàn Thị M được hai bên cha mẹ chấp nhận và tổ chức đám cưới vào năm 1992 nhưng anh và chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên hòa giải cả anh và chị đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

- **Về con chung của vợ chồng:** Anh Đặng Văn C và chị Đoàn Thị M cùng trình bày có 01 (một) người con chung tên Đặng Hoàng A – sinh ngày 17/12/1993. Hiện nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** Anh Đặng Văn C và chị Đoàn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- **Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng:** Anh Đặng Văn C và chị Đoàn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** anh Đặng Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Căn cứ vào Điều 09, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 35 và khoản 01 Điều 39 và Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Đặng Văn C và chị Đoàn Thị M là vợ chồng.

- Về con chung của vợ chồng: Anh Đặng Văn C và chị Đoàn Thị M cùng trình bày có 01 (một) người con chung tên Đặng Hoàng A – sinh ngày 17/12/1993. Hiện nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Đặng Văn C và chị Đoàn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Anh Đặng Văn C và chị Đoàn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đặng Văn C phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) mà anh Đặng Văn C đã nộp theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0008082, ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Anh Đặng Văn C đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Ngoan**